

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----*-----

BÁO CÁO

KẾT QUẢ THỐNG KÊ ĐẤT ĐAI NĂM 2018

HUYỆN KHÁNH SƠN, TỈNH KHÁNH HÒA

Khánh Sơn, năm 2019

Số: /BC-UBND

Khánh Sơn, ngày tháng 02 năm 2019

**BÁO CÁO
KẾT QUẢ THỐNG KÊ ĐẤT ĐAI NĂM 2018
HUYỆN KHÁNH SƠN, TỈNH KHÁNH HÒA**

- Căn cứ Luật Đất đai năm 2013.
- Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.
- Căn cứ Thông tư số 28/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất đai.
- Căn cứ Công văn số 4032/BTNMT-TCQLĐĐ ngày 30/7/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc chuẩn bị kiểm kê đất đai năm 2019 và thực hiện thống kê đất đai năm 2018.
- Căn cứ Văn bản số 8568/UBND-XDND ngày 21/8/2018 của UBND tỉnh Khánh Hòa về chuẩn bị kiểm kê đất đai năm 2019 và thực hiện thống kê đất đai năm 2018.
- Căn cứ Văn bản số 11557/UBND-XDND ngày 12/11/2018 của UBND tỉnh Khánh Hòa về chuẩn bị kiểm kê đất đai năm 2019 và thực hiện thống kê đất đai năm 2018
- Căn cứ Công văn số 4506/STNMT-CCQLĐĐ ngày 18/10/2018 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Khánh Hòa về việc chuẩn bị kiểm kê đất đai năm 2019 và thực hiện thống kê đất đai năm 2018.
- Căn cứ Công văn số 1294/UBND-TNMT ngày 26/10/2018 của UBND huyện Khánh Sơn về việc chuẩn bị kiểm kê đất đai năm 2019 và thực hiện thống kê đất đai năm 2018. UBND huyện Khánh Sơn báo cáo kết quả thống kê đất đai năm 2018 (từ ngày 01/01/2018 đến 31/12/2018) của huyện như sau:

I. Đánh giá hiện trạng sử dụng đất năm 2018

Tổng diện tích tự nhiên trên toàn huyện tính đến ngày 31/12/2018 là: 33.852,76 ha. Trong đó:

- Đất nông nghiệp: 25.936,98 ha, chiếm 76,62% tổng diện tích đất tự nhiên.
- Đất phi nông nghiệp: 1.605,23 ha, chiếm 4,74% tổng diện tích đất tự nhiên.
- Đất chưa sử dụng: 6.310,55 ha, chiếm 18,64% tổng diện tích đất tự nhiên.

1. Hiện trạng theo mục đích sử dụng đất

Tổng diện tích tự nhiên toàn huyện có 33.852,76 ha, trong đó diện tích đang đưa vào sử dụng cho các mục đích trên toàn huyện năm 2018 là 27.542,20 ha,

chiếm 81,36% tổng diện tích đất tự nhiên, còn lại là phần đất chưa sử dụng 6.310,55 ha, chiếm 18,64% tổng diện tích đất tự nhiên. Cụ thể gồm các nhóm đất sau:

Biểu 1. Hiện trạng loại đất theo mục đích sử dụng đất năm 2018

Thứ tự	LOẠI ĐẤT	Mã	Tổng diện tích các loại đất trong đơn vị hành chính	Cơ cấu (%)
I	Tổng diện tích đất của đơn vị hành chính (1+2+3)		33.852,76	100,00
1	Đất nông nghiệp	NNP	25.936,98	76,62
1.1	Đất sản xuất nông nghiệp	SXN	4.589,93	13,56
1.1.1	Đất trồng cây hàng năm	CHN	1.482,82	4,38
1.1.1.1	Đất trồng lúa	LUA	175,15	0,52
1.1.1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	1.307,68	3,86
1.1.2	Đất trồng cây lâu năm	CLN	3.107,11	9,18
1.2	Đất lâm nghiệp	LNP	21.330,54	63,01
1.2.1	Đất rừng sản xuất	RSX	7.586,36	22,41
1.2.2	Đất rừng phòng hộ	RPH	11.862,55	35,04
1.2.3	Đất rừng đặc dụng	RDD	1.881,65	5,56
1.3	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	16,49	0,05
1.4	Đất làm muối	LMU		
1.5	Đất nông nghiệp khác	NKH		
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	1.605,23	4,74
2.1	Đất ở	OCT	148,31	0,44
2.1.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	132,24	0,39
2.1.2	Đất ở tại đô thị	ODT	16,07	0,05
2.2	Đất chuyên dùng	CDG	957,70	2,83
2.2.1	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	10,50	0,03
2.2.2	Đất quốc phòng	CQP	689,12	2,04
2.2.3	Đất an ninh	CAN	0,78	
2.2.4	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN	30,23	0,09
2.2.5	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	1,65	
2.2.6	Đất có mục đích công cộng	CCC	225,43	0,67
2.3	Đất cơ sở tôn giáo	TON	4,45	0,01
2.4	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN		

Thứ tự	LOẠI ĐẤT	Mã	Tổng diện tích các loại đất trong đơn vị hành chính	Cơ cấu (%)
2.5	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, NHT	NTD	14,32	0,04
2.6	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	479,89	1,42
2.7	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	0,56	
2.8	Đất phi nông nghiệp khác	PNK		
3	Đất chưa sử dụng	CSD	6.310,55	18,64
3.1	Đất bằng chưa sử dụng	BCS	87,83	0,26
3.2	Đất đồi núi chưa sử dụng	DCS	6.222,72	18,38
3.3	Núi đá không có rừng cây	NCS		

1.1. Đất nông nghiệp:

Diện tích đất nông nghiệp năm 2018 là 25.936,98 ha, chiếm 76,62% diện tích tự nhiên toàn huyện, bao gồm:

1.1.1. Đất sản xuất nông nghiệp: Có diện tích là 4.589,93.ha, chiếm 13,56% diện tích tự nhiên toàn huyện, trong đó:

- *Đất trồng cây hàng năm:* Có diện tích 1.482,82 ha, chiếm 4,38% tổng diện tích tự nhiên toàn huyện; trong đó: Đất trồng lúa có diện tích 175,15 ha chiếm 0,52% và đất trồng cây hàng năm khác có diện tích 1.307,68 ha, chiếm 3,86%. Đất trồng cây hàng năm của huyện phân bố đều tại các xã, thị trấn.

- *Đất trồng cây lâu năm:* Có diện tích 3.107,11 ha, chiếm 9,18% tổng diện tích tự nhiên toàn huyện. Đất trồng cây lâu năm phân bố tập trung tại xã Ba Cùm Bắc, xã Sơn Bình, xã Sơn Lâm...

1.1.2 Đất lâm nghiệp: Diện tích đất lâm nghiệp là 21.330,54 ha, chiếm 63,01% diện tích tự nhiên toàn huyện, trong đó:

- *Đất rừng sản xuất:* Có diện tích 7.586,36 ha, chiếm 22,41% diện tích tự nhiên toàn huyện, phân bố chủ yếu tại xã Sơn Lâm, Sơn Bình, Sơn Hiệp...

- *Đất rừng phòng hộ:* Có diện tích 11.862,55 ha, chiếm 35,04% diện tích tự nhiên toàn huyện, phân bố chủ yếu tại xã Thành Sơn, Sơn Lâm, Sơn Bình, Ba Cùm Nam...

- *Đất rừng đặc dụng:* Có diện tích 1.881,65 ha, chiếm 5,56% diện tích tự nhiên toàn huyện, phân bố tại 3 xã Sơn Bình, Sơn Hiệp và Sơn Trung.

1.1.3. Đất nuôi trồng thủy sản: Có diện tích 16,49 ha, chiếm 0,05% diện tích tự nhiên toàn huyện. Diện tích đất nuôi trồng thủy sản phân bố đều các xã, thị trấn.

1.2. Đất phi nông nghiệp:

Diện tích đất phi nông nghiệp năm 2018 là 1.605,23 ha, chiếm 4,74% diện tích tự nhiên toàn huyện, trong đó:

1.2.1. Đất ở: Có diện tích 148,31 ha, chiếm 0,44% diện tích tự nhiên toàn huyện; trong đó:

- Đất ở tại nông thôn có diện tích 132,24 ha, chiếm 0,39% diện tích tự nhiên. Đất ở tại nông thôn tập trung tại 7 xã, trong đó diện tích đất ở nông thôn lớn nhất tập trung nhiều tại xã Sơn Trung và Ba Cùm Bắc.

- Đất ở tại đô thị có diện tích 16,07 ha, chiếm 0,05% diện tích tự nhiên toàn huyện. Đất ở tại đô thị tại thị trấn Tô Hạp.

1.2.2. Đất chuyên dùng: Có diện tích 957,71 ha, chiếm 2,83% diện tích tự nhiên toàn huyện. Trong đó:

- *Đất xây dựng trụ sở cơ quan:* Có diện tích 10,50 ha, chiếm 0,03% diện tích tự nhiên toàn huyện. Diện tích đất trụ sở tập trung tại thị trấn Tô Hạp; xã Ba Cùm Bắc.

- *Đất quốc phòng:* Có diện tích 689,12 ha, chiếm 2,04% diện tích tự nhiên toàn huyện. Đất quốc phòng tập trung nhiều tại xã Sơn Trung.

- *Đất an ninh:* Có diện tích 0,78 ha, chiếm 0,002% diện tích tự nhiên toàn huyện. Đất an ninh phân bố tập trung tại xã Sơn Lâm và thị trấn Tô Hạp.

- *Đất xây dựng công trình sự nghiệp:* Có diện tích 30,23 ha, chiếm 0,09% diện tích tự nhiên toàn huyện. Trong đó:

+ *Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội 2,04 ha;*

+ *Đất xây dựng cơ sở y tế 2,41 ha;*

+ *Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo 21,95 ha;*

+ *Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao 3,55 ha;*

+ *Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác 0,26 ha.*

- *Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp:* Có diện tích 1,65 ha, chiếm 0,003% diện tích tự nhiên toàn huyện. Trong đó:

+ *Đất thương mại, dịch vụ 0,60 ha;*

+ *Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 1,05 ha;*

- *Đất sử dụng vào mục đích công cộng:* Có diện tích 225,43 ha, chiếm 0,67% diện tích tự nhiên toàn huyện. Trong đó:

+ *Đất giao thông 184,22 ha;*

+ *Đất thủy lợi 23,88 ha;*

+ *Đất danh lam thắng cảnh 4,80 ha;*

+ *Đất sinh hoạt cộng đồng 4,50 ha;*

+ *Đất công trình năng lượng 0,50 ha;*

+ *Đất công trình bưu chính, viễn thông 0,75 ha;*

+ *Đất chợ 1,15 ha;*

+ *Đất bãi thải, xử lý chất thải 5,61 ha;*

1.2.3. Đất cơ sở tôn giáo: Có diện tích 4,45 ha, chiếm 0,01% diện tích tự nhiên toàn huyện. Đất cơ sở tôn giáo phân bố chủ yếu tại xã Sơn Trung và thị trấn Tô Hạp.

1.2.4. Đất nghĩa trang, nghĩa địa: Có diện tích 14,32 ha, chiếm 0,04% diện tích tự nhiên toàn huyện. Đất nghĩa trang, nghĩa địa tập trung chủ yếu tại khu vực các xã Ba Cùm Nam, Sơn Hiệp, Sơn Bình.

1.2.5. Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối: Có diện tích 479,89 ha, chiếm 1,42% diện tích tự nhiên toàn huyện.

1.2.6. Đất có mặt nước chuyên dùng: Có diện tích 0,56 ha, chiếm 0,002% diện tích tự nhiên toàn huyện.

1.3. Đất chưa sử dụng:

Diện tích đất chưa sử dụng năm 2018 của huyện Khánh Sơn là 6.310,55 ha, chiếm 18,64% diện tích tự nhiên toàn huyện (*diện tích đất chưa sử dụng tập trung nhiều tại xã Thành Sơn, Sơn Lâm, Ba Cùm Nam, Ba Cùm Bắc, thị trấn Tô Hạp*), trong đó:

1.3.1. Đất bằng chưa sử dụng: Có diện tích 87,83 ha, chiếm 0,26% diện tích tự nhiên toàn huyện.

1.3.2. Đất đồi núi chưa sử dụng: Có diện tích 6.222,72 ha, chiếm 18,38% diện tích tự nhiên toàn huyện.

2. Hiện trạng theo đối tượng sử dụng:

Tổng diện tích các đối tượng sử dụng có diện tích 27.827,53 ha, chiếm 82,20% diện tích tự nhiên toàn huyện, trong đó:

2.1. Hộ gia đình, cá nhân trong nước:

Hộ gia đình, cá nhân trong nước đang sử dụng 10.105,58 ha, chiếm 29,85% diện tích tự nhiên toàn huyện, bao gồm các loại đất:

- Đất sản xuất nông nghiệp được giao sử dụng 4.589,93 ha, chiếm 100% diện tích đất sản xuất nông nghiệp của huyện.

- Đất lâm nghiệp được giao sử dụng 5.353,85 ha, chiếm 25,10% diện tích đất lâm nghiệp của huyện.

- Đất nuôi trồng thủy sản được giao sử dụng 16,46 ha, chiếm 99,82% diện tích đất nuôi trồng thủy sản của huyện.

- Đất ở được giao sử dụng 143,75 ha, chiếm 96,93% diện tích đất ở của huyện.

- Đất chuyên dùng là 1,58 ha, chiếm 0,16% diện tích đất chuyên dùng của huyện. Trong đó toàn bộ diện tích hộ gia đình cá nhân được giao sử dụng là đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp.

2.2. Tổ chức trong nước:

Tổ chức trong nước đang sử dụng 17.717,51 ha, chiếm 52,34% diện tích tự nhiên toàn huyện, trong đó:

* **Tổ chức kinh tế:** Được giao sử dụng 3,59 ha (*đất sử dụng vào mục đích công cộng*), chiếm 0,01% diện tích tự nhiên và chiếm 1,59% diện tích đất sử dụng vào mục đích công cộng của huyện.

* **Cơ quan đơn vị của Nhà nước:** Được giao sử dụng 727,15 ha đất các loại, chiếm 2,15% diện tích tự nhiên của huyện. Bao gồm các loại đất sau:

- Đất chuyên dùng 712,85 ha, chiếm 74,47% diện tích đất chuyên dùng của huyện. Trong đó:

+ Đất xây dựng trụ sở cơ quan 10,50 ha, chiếm 100% diện tích đất xây dựng công trình sự nghiệp của huyện.

+ Đất quốc phòng 689,12 ha, chiếm 100,0% diện tích đất quốc phòng của huyện;

+ Đất an ninh 0,78 ha, chiếm 100,0% diện tích đất an ninh của huyện;

+ Đất xây dựng công trình sự nghiệp 3,55 ha, chiếm 11,74% diện tích đất xây dựng công trình sự nghiệp của huyện;

+ Đất sử dụng vào mục đích công cộng 8,92 ha, chiếm 3,96% diện tích đất sử dụng vào mục đích công cộng của huyện.

- Đất nghĩa trang, nghĩa địa có diện tích 14,32 ha, chiếm 100% diện tích đất nghĩa trang, nghĩa địa của huyện.

* **Tổ chức sự nghiệp công lập:** Được giao sử dụng 16.986,74 ha đất các loại, chiếm 50,18% diện tích tự nhiên của huyện. Bao gồm các loại đất sau:

- Đất lâm nghiệp có 15.369,81 ha, chiếm 72,06% diện tích đất lâm nghiệp của huyện, trong đó:

+ Đất rừng sản xuất có 1625,62 ha, chiếm 21,43% diện tích đất rừng sản xuất của huyện.

+ Đất rừng phòng hộ có 11.862,55 ha, chiếm 100% diện tích đất rừng phòng hộ của huyện.

+ Đất rừng đặc dụng có 1.881,65 ha, chiếm 100% diện tích đất rừng đặc dụng của huyện.

- Đất chuyên dùng 26,77 ha, chiếm 2,80% diện tích đất chuyên dùng của huyện. Trong đó:

+ Đất xây dựng công trình sự nghiệp 26,70 ha, chiếm 88,32% diện tích đất xây dựng công trình sự nghiệp của huyện;

+ Đất sử dụng vào mục đích công cộng 0,07 ha, chiếm 5,93% diện tích đất sử dụng vào mục đích công cộng của huyện.

- Đất chưa sử dụng: 1.590,18 ha (*đất đồi núi chưa sử dụng*), chiếm 25,20% diện tích đất chưa sử dụng và chiếm 25,55% diện tích đất đồi núi chưa sử dụng của huyện.

* **Tổ chức khác:** Được giao sử dụng 0,03 ha (đất nuôi trồng thủy sản), chiếm 0,001% diện tích tự nhiên và chiếm 0,18% diện tích đất nuôi trồng thủy sản của huyện.

2.3. Cộng đồng dân cư và cơ sở tôn giáo:

Cộng đồng dân cư và cơ sở tôn giáo đang sử dụng 4,45 ha (đất tôn giáo), chiếm 0,01% diện tích tự nhiên và chiếm 100% diện tích đất tôn giáo của huyện.

3. Hiện trạng theo đối tượng quản lý:

Tổng diện tích các đối tượng quản lý có diện tích 6.025,24 ha, chiếm 17,79% diện tích tự nhiên toàn huyện, trong đó:

3.1. UBND cấp xã:

UBND cấp xã đang quản lý 5.783,43 ha, chiếm 17,08% diện tích tự nhiên toàn huyện, trong đó: Đất lâm nghiệp (*đất rừng sản xuất*): 606,91 ha; Đất ở: 4,55 ha; Đất chuyên dùng: 182,85 ha; Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối: 268,19 ha; Đất có mặt nước chuyên dùng: 0,56 ha và Đất chưa sử dụng: 4.720,37 ha.

3.2. Cộng đồng dân cư và tổ chức khác:

Cộng đồng dân cư và tổ chức khác đang quản lý 241,81 ha, chiếm 0,71% diện tích tự nhiên toàn huyện trong đó: Đất sử dụng vào mục đích công cộng: 30,08 ha; Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối: 211,71 ha.

4. Hiện trạng theo đơn vị hành chính cấp xã, thị trấn:

- + Thị trấn Tô Hạp: 1.677,46 ha, chiếm 4,96% so với DTTN.
- + Xã Thành Sơn: 7.362,37 ha, chiếm 21,75% so với DTTN.
- + Xã Sơn Lâm: 5.204,51 ha, chiếm 15,37% so với DTTN.
- + Xã Sơn Bình: 4.759,63 ha, chiếm 14,06% so với DTTN.
- + Xã Sơn Hiệp: 3.413,28 ha, chiếm 10,08% so với DTTN.
- + Xã Sơn Trung: 3.341,53 ha, chiếm 9,87% so với DTTN.
- + Xã Ba Cùm Bắc: 3.785,34 ha, chiếm 11,08% so với DTTN.
- + Xã Ba Cùm Nam: 4.308,63 ha, chiếm 12,73% so với DTTN.

II. Phân tích tình hình biến động đất đai năm 2018 (từ ngày 01/0/2018 đến ngày 31/12/2018)

Tổng diện tích tự nhiên toàn huyện đến ngày 31/12/2018 là 33.852,75 ha so với kỳ thống kê đất đai năm 2017 không biến động (*giữ nguyên hiện trạng*). Cụ thể, từng mục đích sử dụng đất như sau:

1. Đối với đất nông nghiệp

Diện tích đất nông nghiệp tính đến ngày 31/12/2018 có 25.936,98 ha; so với năm 2017 giảm 4,08 ha. Trong đó:

1.1. Đất sản xuất nông nghiệp

Diện tích đất sản xuất nông nghiệp 4.589,93 ha, so với năm 2017 giảm 1,93 ha. Cụ thể như sau:

1.1.1. Đất trồng cây hàng năm

Diện tích đất trồng cây hàng năm 1.482,82 ha; so với năm 2017 giảm 0,30 ha.

Diện tích đất biến động tăng, giảm trong từng loại đất trồng cây hàng năm như sau:

a) Đất trồng lúa:

Diện tích đất trồng lúa có 175,15 ha; so với năm 2017 không biến động.

b) Đất trồng cây hàng năm khác:

Diện tích đất trồng cây hàng năm khác 1.307,68 ha; so với năm 2017 giảm 0,30 ha, do chuyển sang các loại đất: đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp 0,05 ha; đất sử dụng vào mục đích công cộng 0,25 ha.

1.1.2. Đất trồng cây lâu năm

Diện tích đất trồng cây lâu năm 3.107,11 ha; so với năm 2017 giảm 1,63 ha, do chuyển sang các loại đất: đất ở tại nông thôn 0,10 ha; đất ở tại đô thị 0,05 ha; đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp 0,48 ha; đất sử dụng vào mục đích công cộng 1,00 ha.

1.2. Đất lâm nghiệp

Diện tích đất lâm nghiệp 21.330,54 ha; so với năm 2017 giảm 2,15 ha. Cụ thể như sau:

1.2.1. Đất rừng sản xuất

Diện tích đất rừng sản xuất 7.586,36 ha; so với năm 2017 giảm 2,15 ha, do chuyển sang đất sử dụng vào mục đích công cộng.

1.2.2. Đất rừng phòng hộ

Diện tích đất rừng phòng hộ 11.862,55 ha; so với năm 2017 không biến động.

1.2.3. Đất rừng đặc dụng

Diện tích đất rừng đặc dụng có 1.881,65 ha; so với năm 2017 không biến động.

1.3. Đất nuôi trồng thủy sản

Diện tích đất nuôi trồng thủy sản 16,49 ha; so với năm 2017 không biến động.

2. Đối với đất phi nông nghiệp

Diện tích đất phi nông nghiệp tính đến ngày 31/12/2018 có 1.605,22 ha; so với năm 2017 tăng 4,10 ha. Trong đó:

2.1. Đất ở

Diện tích đất ở 148,31 ha; so với năm 2017 tăng 0,15 ha. Cụ thể các loại đất như sau:

2.1.1. Đất ở tại nông thôn

Diện tích đất ở tại nông thôn 132,24 ha; so với năm 2017 tăng 0,10 ha, do tăng từ đất trồng cây lâu năm.

2.1.2. Đất ở tại đô thị

Diện tích đất ở tại đô thị 16,07 ha; so với năm 2017 tăng 0,05 ha, do tăng từ đất trồng cây lâu năm.

2.2. Đất chuyên dùng

Diện tích đất chuyên dùng 957,70 ha; so với năm 2017 tăng 3,95 ha. Cụ thể như sau:

2.2.1. Đất xây dựng trụ sở cơ quan

Diện tích đất xây dựng trụ sở cơ quan 10,50 ha; so với năm 2017 không biến động.

2.2.2. Đất quốc phòng

Diện tích đất quốc phòng 689,12 ha; so với năm 2017 không biến động.

2.2.3. Đất an ninh

Diện tích đất an ninh 0,78 ha; so với năm 2017 không biến động.

2.2.4. Đất xây dựng công trình sự nghiệp

Diện tích đất xây dựng công trình sự nghiệp 30,23 ha; so với năm 2017 không biến động.

2.2.5. Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp

Diện tích đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp 1,65 ha; so với năm 2017 tăng 0,52 ha, do tăng từ đất trồng cây hàng năm khác 0,05 ha và tăng từ đất trồng cây lâu năm 0,48 ha.

2.2.6. Đất sử dụng vào mục đích công cộng

Diện tích đất có mục đích công cộng 225,43 ha; so với năm 2017 tăng 3,43 ha, do tăng từ các loại đất: Đất trồng cây hàng năm khác 0,25 ha; đất trồng cây lâu năm 1,00 ha; đất rừng sản xuất 2,15 ha; đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối 0,02 ha; đất bằng chưa sử dụng 0,01 ha.

2.3. Đất cơ sở tôn giáo

Diện tích đất cơ sở tôn giáo 4,45 ha, so với năm 2017 không biến động.

2.4. Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng

Diện tích đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng 14,32 ha, so với năm 2017 không biến động.

2.5. Đất sông ngòi, kênh, rạch, suối

Diện tích đất sông ngòi, kênh, rạch, suối 479,89 ha, so với năm 2017 giảm 0,02 ha; do chuyển sang đất sử dụng vào mục đích công cộng.

2.6. Đất có mặt nước chuyên dùng

Diện tích đất có mặt nước chuyên dùng 0,56 ha; so với năm 2017 không biến động.

3. Đất chưa sử dụng

Diện tích đất chưa sử dụng 6.310,55 ha; so với năm 2017 giảm 0,01 ha. Cụ thể như sau:

3.1. Đất bằng chưa sử dụng

Diện tích đất bằng chưa sử dụng 87,83 ha, so với năm 2017 giảm 0,01 ha; do chuyển sang đất sử dụng vào mục đích công cộng.

3.2. Đất đồi chưa sử dụng

Diện tích đất đồi núi chưa sử dụng 6.222,72 ha, so với năm 2017 không biến động.

III. Tình hình sử dụng đất theo quyết định được giao đất, được thuê đất, được chuyển mục đích sử dụng đất

Trong kỳ thống kê đất đai năm 2018, trên địa bàn huyện đã được cho phép chuyển mục đích sử dụng đất với tổng diện tích 0,20 ha, trong đó:

- Đất ở tại nông thôn: 0,10 ha.
- Đất ở tại đô thị: 0,05 ha.
- Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp: 0,05 ha.

IV. Các danh mục công trình dự án đã thực hiện được cập nhật vào thống kê 2018:

*** Đối với phần chuyển mục đích của hộ gia đình cá nhân trên địa bàn huyện, trong đó:**

- Tổng số trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất: 12 trường hợp/0,20 ha chuyển từ đất trồng cây lâu năm sang.

*** Đối với việc thực hiện công trình dự án trong năm 2018 trên địa bàn huyện:**

- Một số dự án đã thực hiện trong năm 2018 như sau:

+ Công trình Kè Tà Lương tại thị trấn Tô Hạp.

+ Bãi đậu xe đường vào Nhà dài thôn Hòn Dung tại xã Sơn Hiệp.

+ Nối tiếp đường vào khu sản xuất Liên Bình đi khu sản xuất xã Sơn Lâm.

+ Công trình Bãi rác huyện tại xã Sơn Trung.

+ Xây dựng thác nước tạo Cảnh quan Cua Cây Da phục vụ du lịch tại xã Ba Cạm Bắc./.

Kính báo cáo!

Nơi nhận:

- Sở TN&MT;

- Văn phòng ĐKQSD đất tỉnh;

- Lưu: VT, TNMT.

T M. ỦY BAN NHÂN DÂN